CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

Tổng Công ty Công nghiệp dầu thực vật Việt Nam - CTCP

Ngày 31/03/2025	16,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**-9.1%**	-

DT thuần *Q1/25*
135 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼99.0| -42.3%
YoY: ▲ 96.3| 249%

LN thuần *Q1/25*
9.49 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼21.5| -69.4%
YoY: ▲ 0.24| 2.6%

LN sau thuế *Q1/25*
6.99 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼19.5| -73.6%
YoY: ▲ 0.10| 1.4%

Tỷ suất lãi EBIT *Q1/25*
7.0%
YoY: +/-▼ 6.3%

ROE (TTM) *Q1/25*
2.4%
YoY: +/-▼ 0.0%

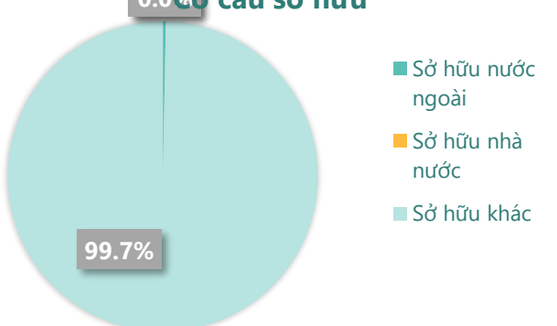
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	16,000 - 21,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,949
Số lượng CPLH (CP)	121,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	276,964
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.44
EPS	443
P/E	36.1

DT thuần *2024*
419 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼425| -50.4%

LN thuần *2024*
64.8 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼1,449| -95.7%

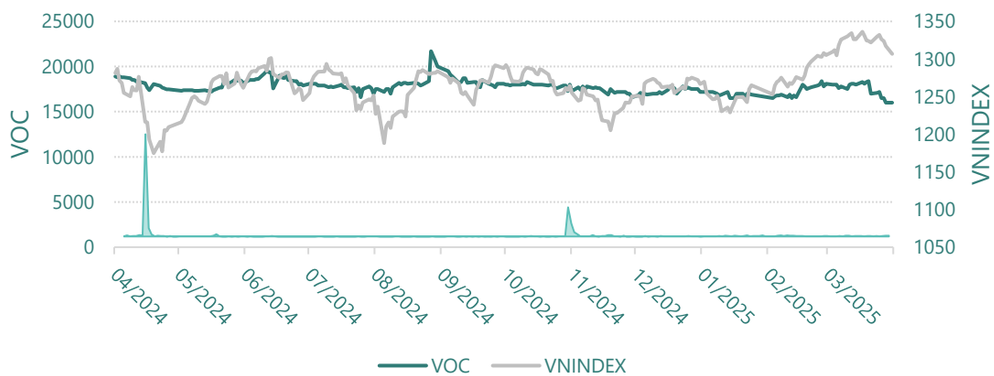
LN sau thuế *2024*
51.9 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼1,253| -96.0%

Cơ cấu sở hữu

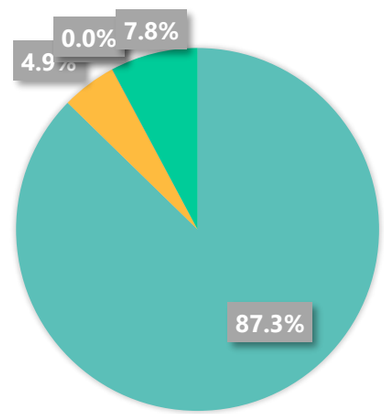


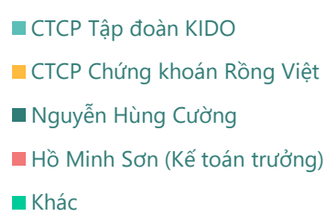
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

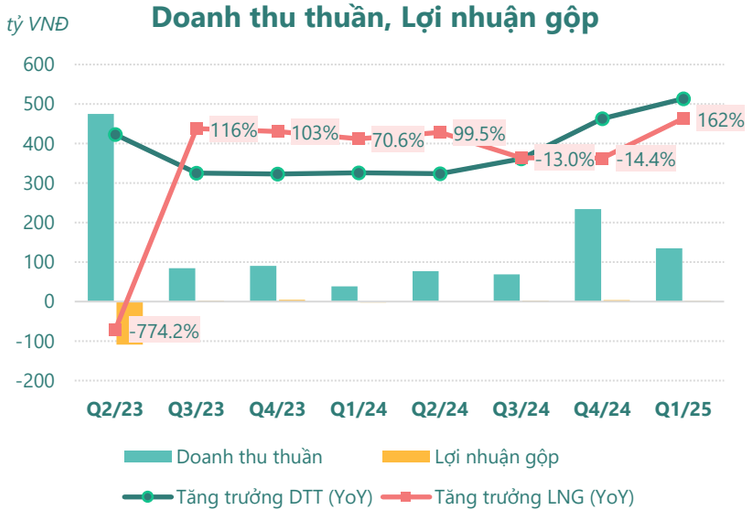




(Nguồn: fireant.vn)

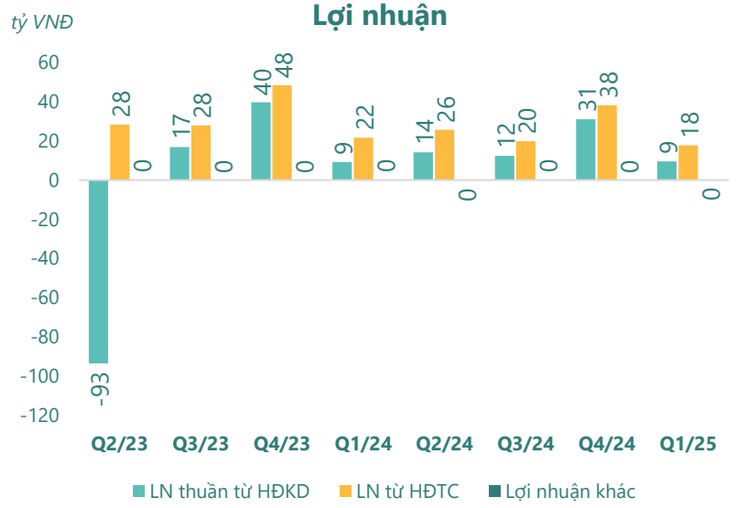
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



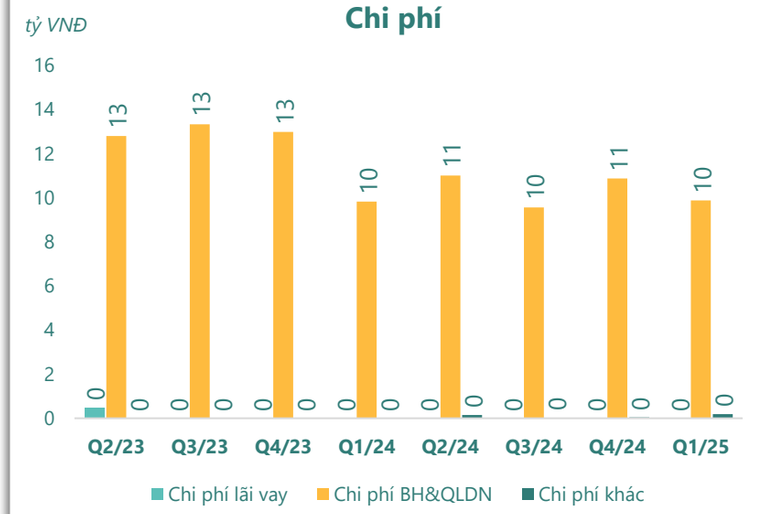
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



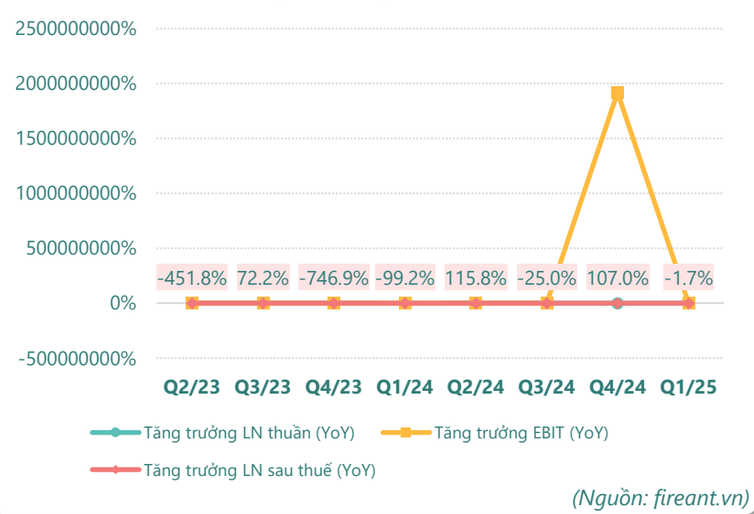
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



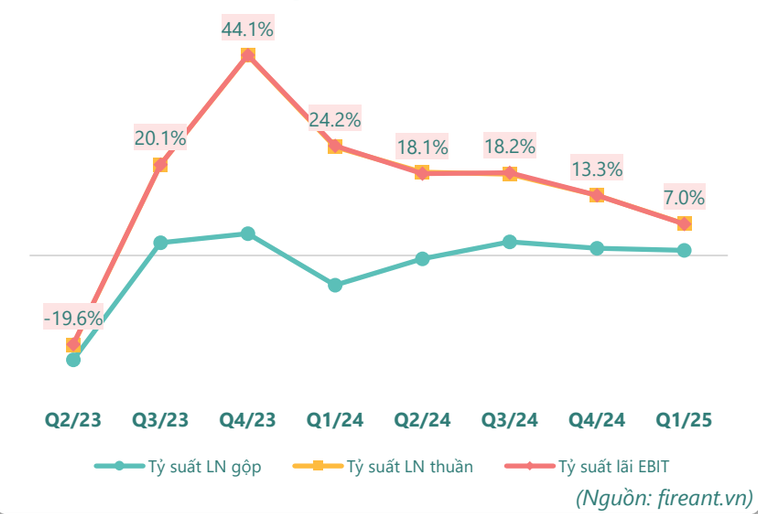
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



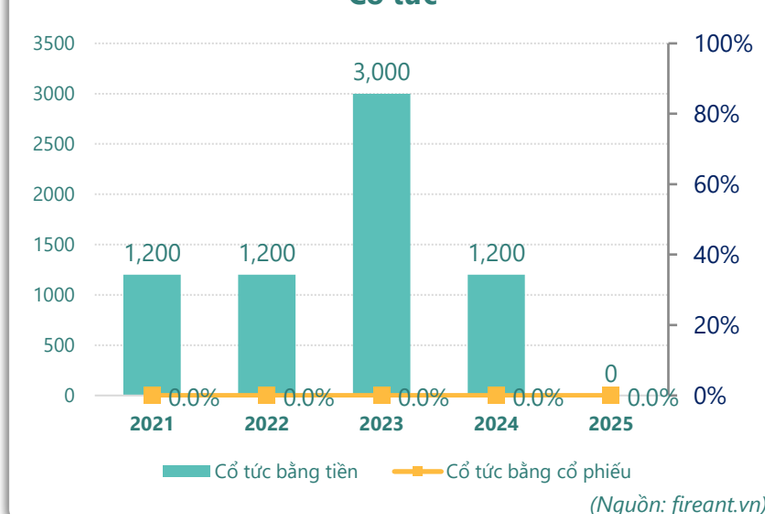
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

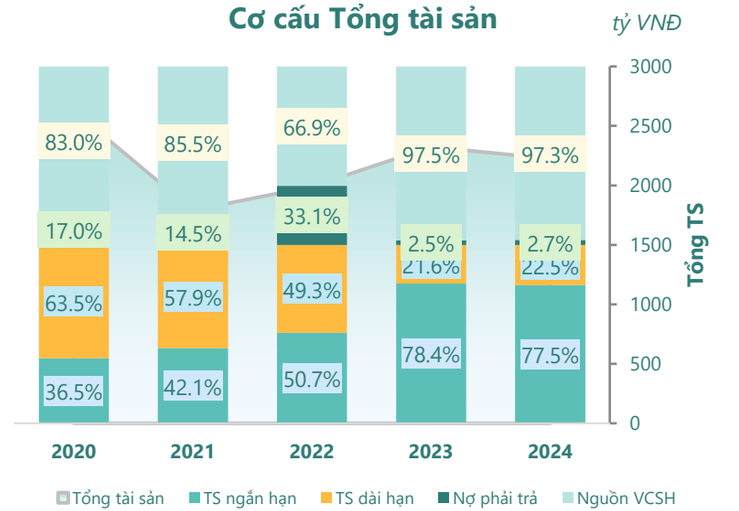
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

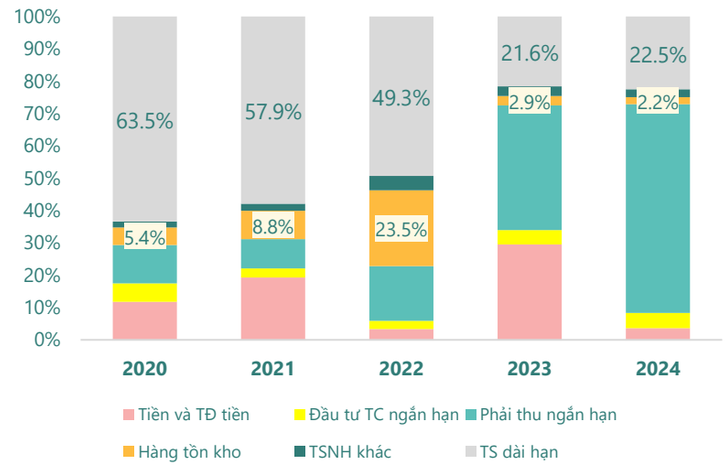
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



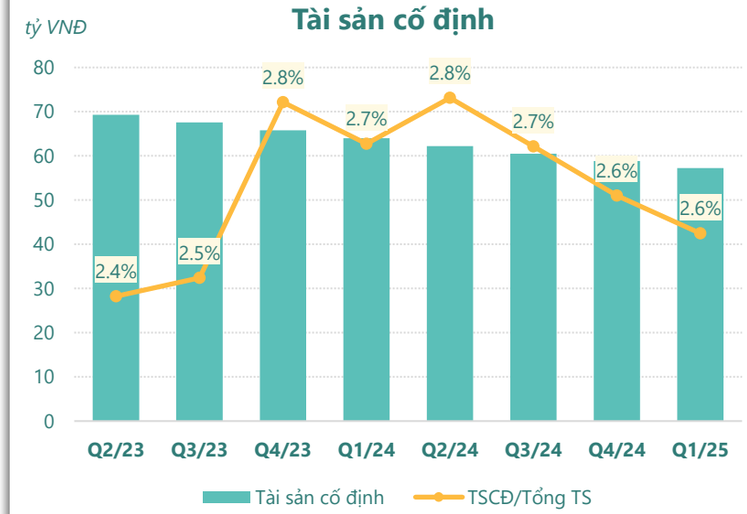
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



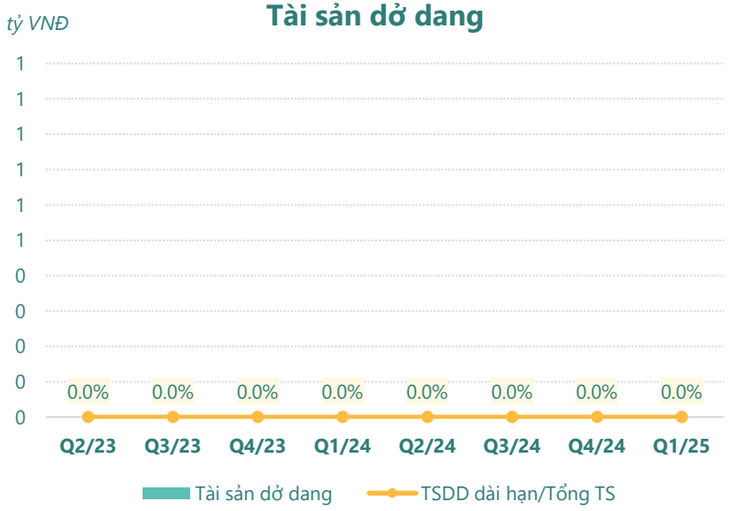
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



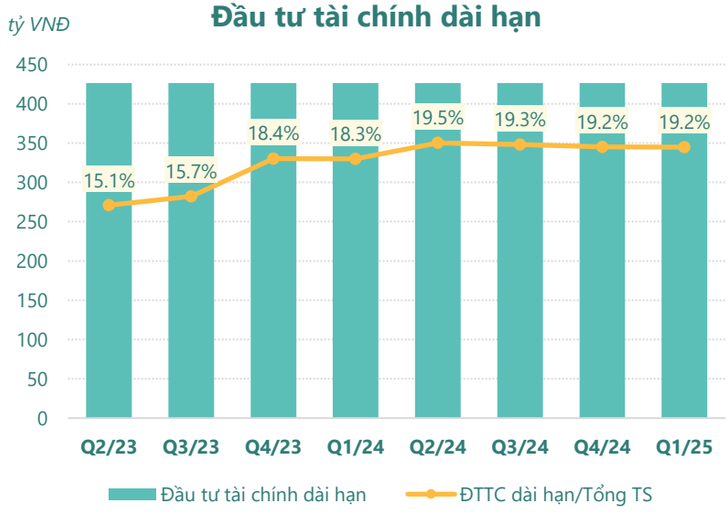
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



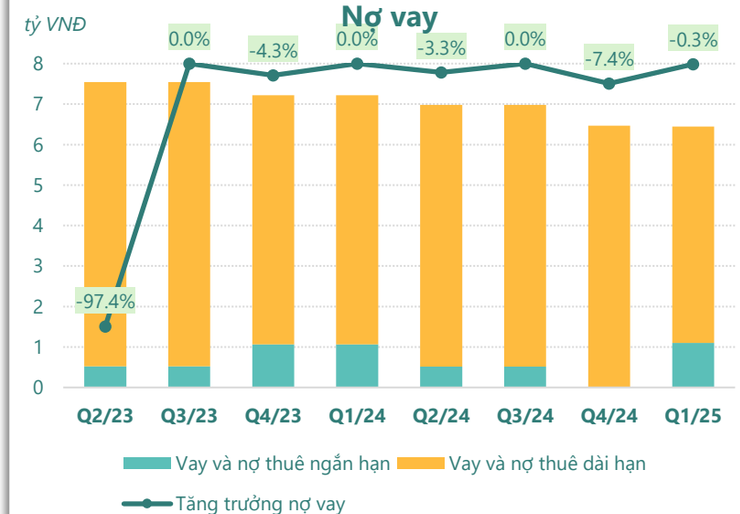
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

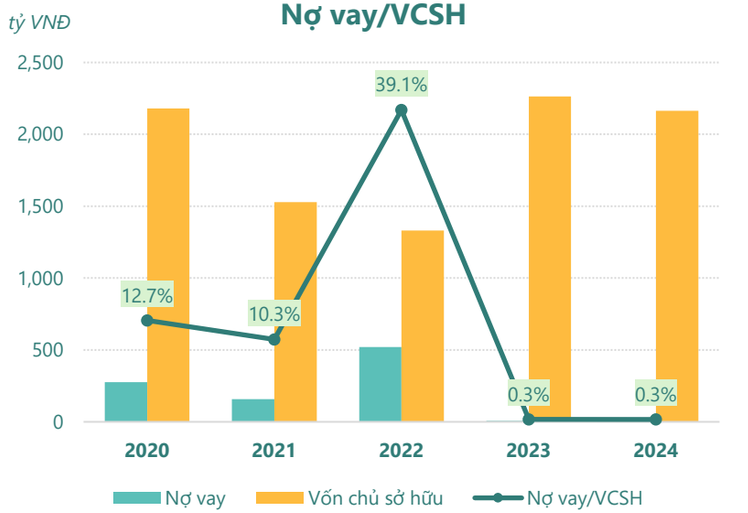
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

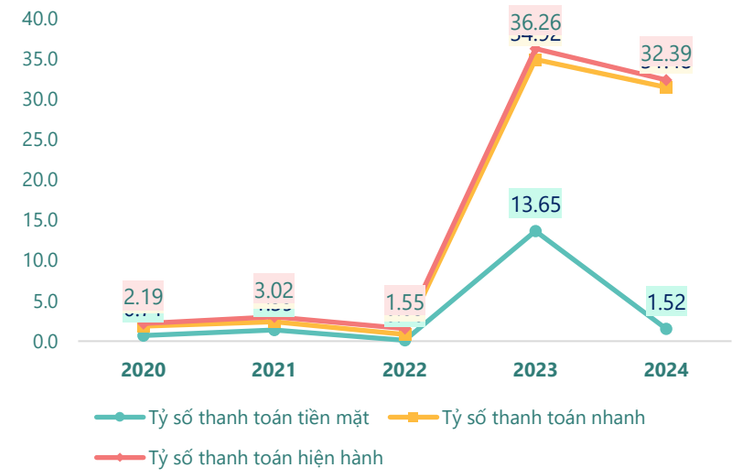
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



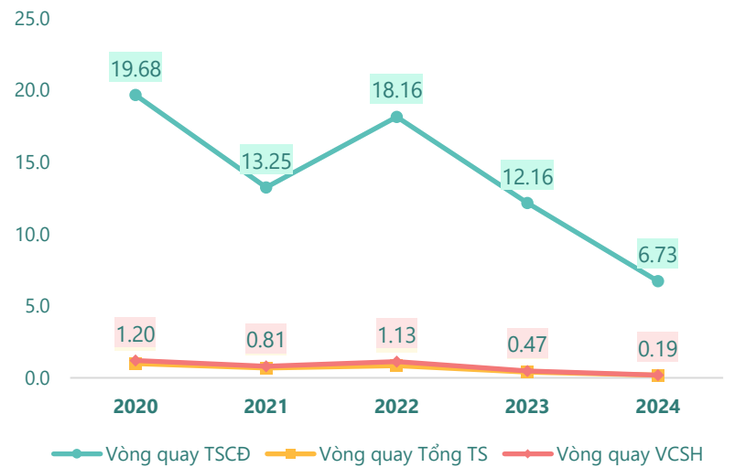
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



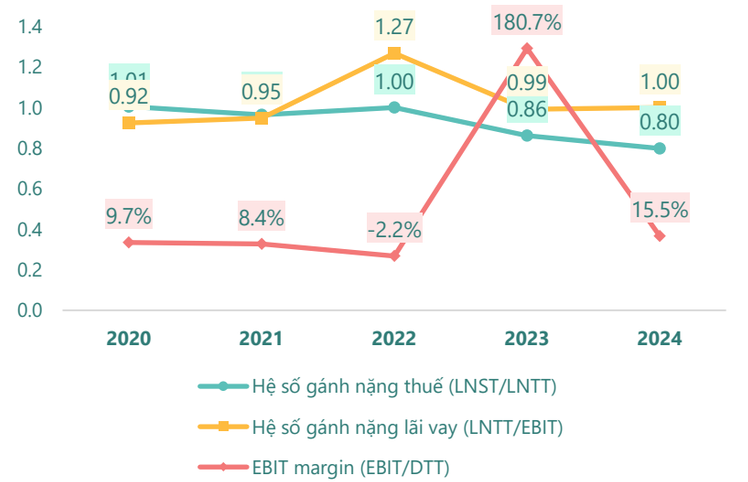
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



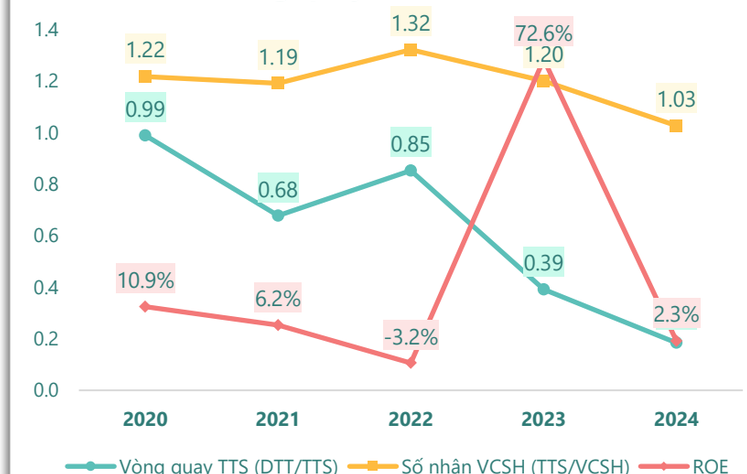
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



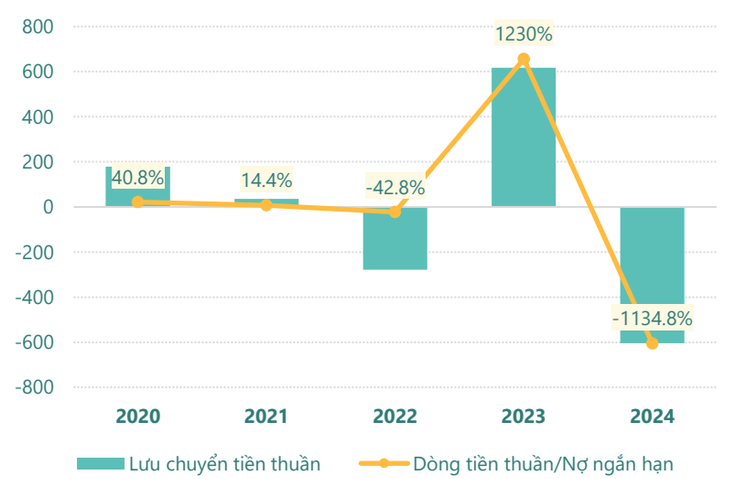
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**135**	**38.7**	**249%**	**419**	**844**	**-50.4%**
Giá vốn hàng bán	133	41.2	224%	416	955	-56.4%
Lợi nhuận gộp	1.56	-2.53	162%	2.67	-111	102%
Doanh thu HĐTC	18.0	21.6	-16.9%	104	1,696	-93.9%
Chi phí TC	0.14	0.02	609%	0.25	17.8	-98.6%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	11.9	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.39	3.88	13.2%	16.3	23.3	-30.1%
Chi phí QLDN	**5.49**	**5.96**	**-7.9%**	**25.0**	**30.0**	**-16.6%**
LN thuần từ HĐKD	9.49	9.25	2.6%	64.8	1,514	-95.7%
Lợi nhuận khác	**-0.09**	**0.10**	**-193%**	**0.17**	**-0.17**	**200%**
LN trước thuế	9.40	9.35	0.5%	65.0	1,513	-95.7%
Lợi nhuận sau thuế	**6.99**	**6.89**	**1.4%**	**51.9**	**1,305**	**-96.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.99**	**6.89**	**1.4%**	**51.9**	**1,305**	**-96.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-62.7	65.7	13.7	20.4	2.07	105
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.53	32.3	-58.3	-528	-4.75	-39.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-366	0	-147	0	-0.55	0
Tiền đầu kỳ	1,122	685	783	594	86.4	81.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-437**	**98.1**	**-191**	**-508**	**-3.23**	**65.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.62	0	1.96	0	0	0
Tiền cuối kỳ	685	783	594	86.4	83.1	147

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,225**	**2,225**	**0.0%**
Tài sản ngắn hạn	1,726	1,725	0.1%
Tiền và tương đương tiền	147	81.2	80.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	104	-100%
Phải thu ngắn hạn	1,499	1,436	4.4%
Hàng tồn kho	26.7	48.4	-44.9%
Tài sản ngắn hạn khác	53.9	55.7	-3.2%
Tài sản dài hạn	**499**	**500**	**-0.3%**
Phải thu dài hạn	11.1	11.1	0.0%
Tài sản cố định	57.2	58.8	-2.7%
Bất động sản đầu tư	3.98	4.02	-1.2%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	426	426	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	53.5	60.5	-11.7%
Nợ ngắn hạn	**46.2**	**53.2**	**-13.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.10	1.10	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.45	7.37	-93.9%
Nợ dài hạn	7.29	7.29	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.34	5.34	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,171**	**2,164**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**2,171**	**2,164**	**0.3%**
Vốn điều lệ	1,218	1,218	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)